

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/DS-ST

Ngày: 24-12-2020

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải

2. Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 632/2020/TLST-DS ngày 07/8/2020 về việc “tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 351/2020/QĐXXST-DS ngày 11/11/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 242/2020/QĐST-DS ngày 03/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: Số x, Phạm Hồng Th, Vĩnh Thanh V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A; Địa chỉ: D Khu dân cư N, phường P, Quận b, thành phố Hồ Chí Minh; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Tuấn A: Ông Ngô Văn Qu; Chức vụ: Giám đốc – Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Đồng Tháp (Quyết định ủy quyền số 1395/QĐ-NHKL ngày 29/6/2020).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn Q: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm y (văn bản ủy quyền số 67/UQ-CNĐT ngày 23/12/2020).

Địa chỉ liên hệ: Số b, Lý Thường K, Phường m, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Võ Duy Q, sinh năm z.

Địa chỉ: Số nhà h, đường Nguyễn Đình C, tổ b, khóm Mỹ P, Phườngg, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm t.

Địa chỉ: Số nhà A, ấp N, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà h, đường Nguyễn Đình C, tổ b, khóm Mỹ P, Phườngg, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Đ có mặt, ông Q và bà N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn Đtrình bày:

Ngày 26/12/2018, ông Võ Duy Q và bà Nguyễn Thị N có vay vốn tại Ngân hàng TMCP K (gọi tắt là Ngân hàng) theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số LP00082+083/HĐTC-CC ngày 26/12/2018 với những nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 25.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Mua bán nhỏ. Thời hạn vay: 180 ngày.
- Loại hình tín dụng: Trả góp vốn và lãi vay theo định kỳ hàng ngày.
- Lãi suất cho vay: 1.333%/ tháng (tính lãi gộp), lãi suất quá hạn (chậm trả): 2%/tháng.
- Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm: 01 chiếc xe nhãn hiệu: SOCO (100); giấy chứng nhận đăng ký mô tô, gắn máy số: 023036; Biển kiểm soát: 66P1- 567.27; Màu sơn: Đen; dung tích: 97; Số máy: 150FMG008067; Số khung: G034AV008067, do Phòng cảnh sát giao thông Công An tỉnh Đồng Tháp cấp ngày: 26/8/2015 cho Võ Duy Q (đăng ký lần đầu ngày 24/8/2015).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Võ Duy Q và bà Nguyễn Thị N không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo đúng như thỏa thuận đã ký kết. Khi đến hạn thanh toán nợ, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông Q, bà N cam kết thanh toán nợ nhưng không thực hiện và hiện tại hợp đồng nêu trên đã quá hạn mà ông Q, bà N vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 30/6/2020, ông Võ Duy Q và bà Nguyễn Thị N còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 26.641.611 đồng (trong đó gồm vốn gốc: 18.472.222 đồng, lãi trong hạn: 1.091.640 đồng, lãi chậm trả: 367.518 đồng, lãi quá hạn: 6.710.231 đồng).

Ngân hàng yêu cầu ông Võ Duy Q và bà Nguyễn Thị N trả số tiền 26.641.611 đồng. Trong đó vốn gốc là: 18.472.222 đồng, lãi trong hạn, quá hạn, chậm trả là: 8.169.389 và yêu cầu trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận

trong hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số LP00082+083/HĐTC-CC ngày 26/12/2018 từ ngày 01/7/2020 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số LP00082+083/HĐTC-CC ngày 26/12/2018 giữa Ngân hàng với ông Võ Duy Q và bà Nguyễn Thị N để giải quyết tài sản cầm cố là xe SOCO (100); biển số đăng ký: 66P1-567.27 do ông Võ Duy Q đứng chủ sở hữu và những tài sản có giá trị khác (nếu có) để đảm bảo việc thu hồi nợ của Ngân hàng.

Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 16/10/2020, các biên bản lấy lời khai ngày 09, 21/10/2020 và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với tiền lãi chậm trả và công nhận phần cầm cố tài sản thuộc một phần hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số LP00082+083/HĐTC-CC ngày 26/12/2018 để xử lý tài sản cầm cố và những tài sản có giá trị khác để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP K do ông Nguyễn Văn Đ đại diện yêu cầu ông Võ Duy Q và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP K tiền nợ gốc là 18.472.222 đồng, tiền lãi gồm lãi trong hạn 1.067.956 đồng và lãi quá hạn 6.656.073 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 26.196.251 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng từ ngày 25/12/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Võ Duy Q và bà Nguyễn Thị N nhưng tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án ông Q, bà N vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng ông Q và bà N chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật này và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP K và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng. Bị đơn ông Võ Duy Q có địa chỉ tại Phường b, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Võ Duy Q và bà Nguyễn Thị N đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét hai hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số LP00082/HĐTC-CC và LP00083/HĐTC-CC cùng ngày 26/12/2018 thể hiện ông Võ Duy Q và bà Nguyễn Thị N có vay của Ngân hàng số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn vay là 180 ngày, kể từ ngày 27/12/2018 đến ngày 24/6/2019, lãi suất trong hạn 16%/năm, lãi suất quá hạn 150% x lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (16%/năm) là 24%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng này do các bên tự nguyện xác lập, thỏa thuận, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, và Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q và bà N đã góp vốn và lãi đến ngày 11/02/2019 được 47 ngày với số tiền 7.825.500 đồng. Từ ngày 12/02/2019 đến nay ông Q và bà N không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ông Q và bà N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi còn nợ. Theo Bảng kê tính lãi của Ngân hàng đến ngày xét xử, ông Q và bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 26.196.251 đồng, trong đó tiền gốc là 18.472.222 đồng, tiền lãi trong hạn 1.067.956 đồng, lãi quá hạn 6.656.073 đồng.

Xét tiền gốc: Ông Q và bà N vay Ngân hàng số tiền 25.000.000 đồng, mới trả được 7.825.500 đồng nên Ngân hàng yêu cầu ông Q và bà N có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc còn nợ 18.472.222 đồng (25.000.000 đồng - 7.825.500 đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng, Điều 280, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Xét tiền lãi: Ông Q và bà N trả vốn và lãi đầy đủ từ ngày 27/12/2018 đến ngày 11/02/2019 thì không trả tiền nữa. Do đó, ông Q và bà N phải có trách nhiệm liên đới trả tiền lãi trong hạn tính từ ngày 12/02/2019 đến ngày kết thúc hợp đồng 24/6/2019 (133 ngày, lãi suất 16%/năm) với số tiền 1.067.956 đồng, lãi quá hạn từ ngày chuyển nợ quá hạn là 25/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/12/2020 (548 ngày, lãi suất 24%/năm) với số tiền 6.656.073 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố đã ký kết kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm là 25/12/2020 đến khi thanh toán dứt nợ là phù hợp với Điều 2 của hai hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số LP00082/HĐTC-CC và LP00083/HĐTC-CC cùng ngày 26/12/2018; Án lệ số 08/2016/A1 về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối

cao thông qua ngày 07/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Từ các phân tích trên, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K, buộc ông Q và bà N có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 26.196.251 đồng và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn thiếu theo mức lãi suất thỏa thuận tại hai hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số LP00082/HĐTC-CC và LP00083/HĐTC-CC ngày 26/12/2018 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản cầm cố và tiền lãi chậm trả: Ngân hàng TMCP K rút yêu cầu khởi kiện về công nhận phần hợp đồng cầm cố để xử lý tài sản cầm cố và các tài sản có giá trị khác và rút yêu cầu đối với tiền lãi chậm trả. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận, đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với tiền lãi chậm trả 367.518 đồng và yêu cầu giải quyết hợp đồng cầm cố là công nhận phần hợp đồng cầm cố thuộc một phần hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số LP00082/HĐTC-CC ngày 26/12/2018 để xử lý tài sản cầm cố và các tài sản có giá trị khác .

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K nên ông Q và bà N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

Buộc ông Võ Duy Q và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K tiền vốn vay là 18.472.222 đồng, tiền lãi trong hạn 1.067.956 đồng và tiền lãi quá hạn 6.656.073 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 26.196.251 đồng.

Ông Võ Duy Q và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn thiếu theo mức lãi suất thỏa thuận tại hai hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số LP00082/HĐTC-CC và LP00083/HĐTC-CC cùng ngày 26/12/2018 kể từ ngày 25/12/2020 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với tiền lãi chậm trả 367.518 đồng và yêu cầu giải quyết hợp đồng cầm cố là công nhận phần hợp đồng cầm cố thuộc một phần hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số LP00082/HĐTC-CC ngày 26/12/2018 để xử lý tài sản cầm cố và các tài sản có giá trị khác .

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Duy Q và bà Nguyễn Thị N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.309.812 đồng.

Ngân hàng TMCP K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 966.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007071 ngày 06/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nữ Thu Hân